

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST

Ngày: 04/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thu Hằng.
2. Ông Lê Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Chao Thị Mỹ Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn P** – sinh năm 1992; nơi sinh: Huyện K – tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hòn và bà Nguyễn Thị Thu; chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: Không. Ngày 27/3/2006, bị Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đưa vào Trường giáo dưỡng 12 tháng theo quyết định số 63/QĐ-UBND về hành vi trộm cắp tài sản (Đã được xóa tiền sự). Ngày 30/9/2023, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị Công an huyện K khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 11/10/2023 đến nay. (Bị cáo có mặt).

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm 1991; nơi sinh: Huyện K – tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp Hòa Lạc, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Thị R; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 24/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang xử phạt 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong các nghĩa vụ tuyên trong bản án (Đã được xóa án tích). Ngày 10/01/2020, bị Công an huyện K, tỉnh Kiên Giang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo quyết định số 1127, đã nộp phạt xong (Đã được xóa tiền sự). Ngày 30/9/2023, thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và bị tạm giữ ngày 04/10/2023 đến ngày 11/10/2023 bị Công an huyện K khởi tố và chuyển tạm giam đến nay. (Bị cáo có mặt).

- *Người bị hại:* **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ 2, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 3, ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 2, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2/ **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp Hòa Lạc, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1/ **Phan Văn K**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố Hòa Lập, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2/ **Phan Văn T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp Tân Điền, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

3/ **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khu phố Đng Tân, phường A, Tp. A, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ, ngày 30/9/2023, Nguyễn Văn P đến nhà di ruột là bà Nguyễn Thị O tại tổ 2, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang chơi. Lợi dụng lúc bà O không có ở nhà, ông Nguyễn Văn H (ch1 bà O) đang muối cá phía sau bếp. P nảy sinh ý định lấy chiếc nhẫn vàng 24k, kiểu mặt vuông, có khắc hình rồng của ông H, do trước đây P từng sống chung với gia đình ông H một thời gian nên P biết vị trí ông H cất giữ chiếc nhẫn vàng. P lén lút mở cửa tủ và lấy trộm chiếc nhẫn mà ông H để trong áo khoác treo trong tủ quần áo. P lấy chiếc nhẫn bỏ vào túi áo rồi gọi điện cho Nguyễn Văn Đ cũng là cháu ruột bà O. Sau đó Đ điều khiển xe máy chạy đến chở P về nhà Đ cùng uống rượu với Phan Văn T, Phan Văn K và cùng người tên thường gọi là P đại gia (Không rõ nhân thân).

Sau đó, P kêu Đ chở đi Ba Hòn lấy quần áo, trên đường đi P mới lấy chiếc nhẫn ra cho Đ xem, Đ biết đây là chiếc nhẫn của ông H vì Đ từng thấy ông H đeo nó. Cả 02

bàn bạc với nhau đem chiếc nhẫn đến tiệm vàng H1 Yến ở ấp Hòn Chông, xã Bình An, huyện K tiêu thụ. Đ lấy chiếc nhẫn đeo lên tay cùng P đi vào trong tiệm vàng, Đ trực tiếp bán chiếc nhẫn cho ông Nguyễn Thanh H1 chủ tiệm vàng. Sau khi kiểm tra trọng lượng, thử chất liệu vàng T ông H1 báo giá là 54.600.000 đồng và Đ đồng ý bán. Sau khi nhận được số tiền bán chiếc nhẫn Đ cất giữ trong túi quần rồi điều khiển xe mô tô chở P đi uống rượu bia và cùng nhau tiêu xài hết 18.100.000 đồng, Đ đưa cho P 16.500.000 đồng, Đ giữ lại 20.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

1/ 01 chiếc nhẫn vàng 24k, kiểu mặt vuông, trên mặt chiếc nhẫn có khắc hình con rồng, trọng lượng 10 chỉ 05 phân 05 ly.

2/ 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68N6 - 0277, màu đỏ đen, số máy 002152, số khung không đúng giấy đăng ký, đã qua sử dụng.

* Theo Bản kết luận định giá số 12/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng 24k, kiểu mặt vuông, trên mặt chiếc nhẫn có khắc hình con rồng, trọng lượng 10 chỉ 05 phân 05 ly có giá trị là 59.333.000đ (Năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSKL ngày 15/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm d khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo P và Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Đ phạm tội đầu thú nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất và mức độ của hành vi mà bị cáo gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng:

Đối với vật chứng số 1 Công an huyện K xác định tài sản của người bị hại thu giữ được không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên đã trao trả cho chủ sở hữu nên đề nghị ghi nhận.

Đối với vật chứng số 2 hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông H đã nhận lại tài sản và nguyên đơn dân sự ông H1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và lời khai tại phiên tòa là phù hợp với vật chứng của vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 30/9/2023, tại nhà của vợ chồng bà Nguyễn Thị O và ông Nguyễn Văn H thuộc tổ 2, ấp Càng, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Văn P đã có hành vi trộm cắp chiếc nhẫn vàng của ông Nguyễn Văn H, giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 59.333.000 đồng. Đối với Nguyễn Văn Đ biết rõ tài sản chiếc nhẫn vàng do P trộm cắp mà có nhưng vẫn cố tình tiêu thụ tài sản trên với số tiền là 54.600.000 đồng.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa P, các bị cáo nhận thức được quyền sở

hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo P và Đ có nhân thân xấu do từng có tiền án, tiền sự. Bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đầu thú nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về vật chứng: Đối với chiếc nhẫn vàng cơ quan công an đã trả lại cho ông H nên ghi nhận. Đối với chiếc xe mô tô là P tiện dùng vào việc phạm tội, không rõ nguồn gốc nên tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, nguyên đơn dân sự đã nhận lại tiền và tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (Ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/10/2023.

Áp dụng khoản điểm d khoản 2 Điều 323, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (Ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/10/2023.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với chiếc nhẫn vàng của ông Nguyễn Văn H đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện K trao trả cho các chủ sở hữu là phù hợp nên ghi nhận.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68N6 - 0277, màu đỏ đen, số máy 002152, số khung không đúng giấy đăng ký, đã qua sử dụng. Vật chứng được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc P, Đ, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự là 200.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự T người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGT;
- Lưu: HSA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho